

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 - NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 13 – Nền móng Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018633 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 14 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102326515 cấp ngày 25 tháng 12 năm 2020.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LICOGI 13 – FOUNDATION CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: LICOGI 13 – FC., JSC.

Vốn điều lệ Công ty là: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng.).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đình Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:

Ông Lại Văn Mạc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tất Thành	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 01/11/2020

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thom	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Quang Việt	Thành viên
Bà Hoàng Thị Tuyền	Thành viên

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lại Văn Mạc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 161 /BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày từ trang 06 đến trang 42 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý. Tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 13 - Nền móng xây dựng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Hoàng Kim Thùy
Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán: 1464-2018-133-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Nam Hải
Số Giấy CN ĐKHN

Kiểm toán: 4003-2017-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.560.230.560.718	947.229.328.209
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	50.262.163.541	2.201.854.456
111	1. Tiền		50.262.163.541	2.201.854.456
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.000.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.a	3.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.057.386.131.053	768.740.743.201
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	787.667.745.723	506.980.591.174
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	77.433.962.630	53.478.352.960
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	109.592.423.268	135.527.423.268
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	8.a	82.691.999.432	72.754.375.799
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	449.359.546.014	175.944.568.461
141	1. Hàng tồn kho		449.359.546.014	175.944.568.461
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		222.720.110	342.162.091
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14.a	222.720.110	342.162.091
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

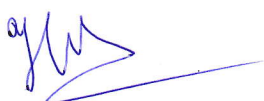
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		112.117.241.131	92.630.219.385
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.028.396.000	1.966.646.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5.b	-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	6.b	-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	8.b	2.028.396.000	1.966.646.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		39.670.108.551	47.261.865.114
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	31.059.702.562	38.949.275.390
222	- Nguyên giá		130.110.977.335	129.629.115.517
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(99.051.274.773)	(90.679.840.127)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	8.166.882.389	7.869.066.124
225	- Nguyên giá		10.013.341.818	8.742.414.545
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.846.459.429)	(873.348.421)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	443.523.600	443.523.600
228	- Nguyên giá		443.523.600	443.523.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	12.556.804.999	11.156.574.635
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		12.556.804.999	11.156.574.635
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		55.466.666.667	28.466.666.667
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.b	55.266.666.667	28.266.666.667
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000	200.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.395.264.914	3.778.466.969
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14.b	2.353.264.914	3.700.171.969
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		42.000.000	78.295.000
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.672.347.801.849	1.039.859.547.594

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

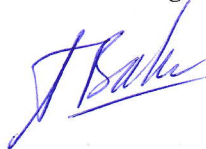
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		1.484.770.179.567	906.837.021.283
310	I. Nợ ngắn hạn		1.477.849.141.965	898.292.789.968
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	659.857.615.404	322.295.561.230
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	110.389.453.968	37.556.577.182
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	13.476.776.325	4.771.275.097
314	4. Phải trả người lao động		119.588.395.268	51.257.444.064
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.343.913.376	32.147.546.733
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.711.943.625	8.103.768.673
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.a	567.109.298.192	441.826.037.488
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		371.745.807	334.579.501
323	10. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		6.921.037.602	8.544.231.315
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15.c	4.921.957.006	5.567.597.265
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	1.999.080.596	2.976.634.050
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		187.577.622.282	133.022.526.311
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	187.577.622.282	133.022.526.311
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		160.000.000.000	105.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.000.000.000	105.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.250.000.000	2.250.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.596.445.591	9.325.546.673
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.731.176.691	16.446.979.638
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.919.114.414	1.307.653.521
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		10.812.062.277	15.139.326.117
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.672.347.801.849	1.039.859.547.594

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bách

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021



Lại Văn Mạc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
 Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	1.171.169.154.577	1.190.621.844.444
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		1.171.169.154.577	1.190.621.844.444
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.111.623.295.735	1.134.449.856.204
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		59.545.858.842	56.171.988.240
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	9.421.043.789	9.629.473.872
22	7. Chi phí tài chính	26	34.981.341.231	33.600.279.812
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		34.981.341.231	33.600.279.812
24	8. Chi phí bán hàng	29	-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	16.624.593.332	13.992.803.536
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		17.360.968.068	18.208.378.764
31	11. Thu nhập khác	27	1.114.213.847	1.568.821.647
32	12. Chi phí khác	28	1.258.078.707	616.990.136
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(143.864.860)	951.831.511
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		17.217.103.208	19.160.210.275
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	6.405.040.931	4.020.884.158
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		10.812.062.277	15.139.326.117

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Mai

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bách

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021



Lại Văn Mạc

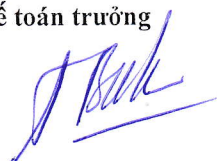
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Phương pháp gián tiếp
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	17.217.103.208	19.160.210.275
	2. Điều chỉnh cho các khoản	35.009.843.096	34.682.900.074
02	- Khấu hao tài sản cố định	9.449.545.654	10.125.464.272
03	- Các khoản dự phòng	-	1.076.696.000
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(9.421.043.789)	(10.119.540.010)
06	- Chi phí lãi vay	34.981.341.231	33.600.279.812
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	52.226.946.304	53.843.110.349
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(306.558.266.150)	(96.622.165.805)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(273.378.682.553)	161.351.483.440
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	460.830.997.498	(132.316.714.199)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	1.466.349.036	(1.241.761.961)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(39.382.777.884)	(29.228.404.688)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.574.743.775)	(5.368.761.941)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.270.898.918)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(109.641.076.442)	(49.583.214.805)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(3.258.019.455)	(2.658.488.566)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác		5.720.000.000
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(107.300.000.000)	(137.962.423.268)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	130.235.000.000	69.854.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(27.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.759.303.500
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.337.172.087	10.838.406
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.985.847.368)	(42.276.769.928)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	47.343.769.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	954.617.765.325	896.340.913.695
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(829.980.144.880)	(806.993.792.866)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(8.294.156.550)	(4.921.976.190)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	163.687.232.895	84.425.144.639
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	48.060.309.085	(7.434.840.094)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.201.854.456	9.636.694.550
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	50.262.163.541	2.201.854.456

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Mai

Nguyễn Văn Bách



Nguyễn Văn Mạc